

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên
Học viện Hành chính và Quản trị công**

Căn cứ Quyết định số 55-QĐ/HVCTQG ngày 08/01/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính và Quản trị công (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1051-QĐ/HVCTQG ngày 20/3/2025 và Quyết định số 4379-QĐ/HVCTQG ngày 09/7/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh);

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Giáo dục đại học năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo;

Căn cứ Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 44/2011/TT-BGDĐT ngày 10/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 11/2013/TT-BGDĐT ngày 29/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 44/2022/TT-BGDĐT ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BGDĐT ngày 29/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng CDNN viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Quy định số 766-QĐ/HVCTQG ngày 02/3/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của giảng viên tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức cán bộ.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ làm việc của giảng viên Học viện Hành chính và Quản trị công.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện, viên chức, người lao động thuộc Học viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Chiến

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ
QUẢN TRỊ CÔNG



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

QUY ĐỊNH

Về chế độ làm việc của giảng viên Học viện Hành chính và Quản trị công
(Kèm theo Quyết định số 3613 -QĐ/HVHC&QTC ngày 11 tháng 11 năm 2025
của Giám đốc Học viện Hành chính và Quản trị công)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, quyền lợi, nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên tại Học viện Hành chính và Quản trị công (sau đây gọi chung là Học viện), bao gồm: Tiêu chuẩn, quyền lợi, nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; quy định về thời gian làm việc; giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác; quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy và chế độ làm việc vượt định mức lao động; quản lý, sử dụng và áp dụng thời gian làm việc đối với giảng viên của Học viện.

2. Đối tượng áp dụng

Viên chức, người lao động giữ chức danh nghề nghiệp (CDNN) giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên, giảng viên tập sự, giảng viên kiêm nhiệm (sau đây gọi chung là giảng viên); giảng viên thỉnh giảng; trợ giảng; viên chức, người lao động thuộc các đơn vị có chức năng giảng dạy của Học viện được giao nhiệm vụ giảng dạy nhưng chưa xếp chuyển sang các chức danh giảng viên.

3. Những nội dung chưa được quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc các Quy định khác của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện.

Điều 2. Hệ thống chức danh nghề nghiệp giảng viên ở Học viện

1. Giảng viên cao cấp (hạng I) - Mã số: V.07.01.01;
2. Giảng viên chính (hạng II) - Mã số: V.07.01.02;

3. Giảng viên (hạng III) - Mã số: V.07.01.03;

4. Giảng viên tập sự là người được tuyển dụng vào CDNN giảng viên, đang trong thời gian hợp đồng làm việc lần đầu, tập sự chuyên môn theo quy định của Luật Viên chức hiện hành.

Người đã giảng dạy ở trường đại học tối thiểu 12 tháng không phải thực hiện chế độ tập sự. Người có bằng tiến sĩ và đã tham gia giảng dạy trong thời gian làm nghiên cứu sinh thì được xem xét rút ngắn thời gian tập sự.

5. Giảng viên kiêm nhiệm là người giữ ngạch giảng viên; là cán bộ lãnh đạo, quản lý; nhà khoa học đang công tác tại các đơn vị tham mưu, quản lý thuộc và trực thuộc Học viện.

6. Giảng viên thỉnh giảng là:

a) Cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước; lãnh đạo các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương;

b) Nhà khoa học có uy tín chuyên môn trong công tác giảng dạy, nghiên cứu, có chuyên môn phù hợp đã và đang công tác ở các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước, có phẩm chất chính trị, tư tưởng, lập trường vững vàng, có đủ khả năng chuyên môn và sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ giảng dạy;

Đối với giảng viên thỉnh giảng là người nước ngoài: Có thái độ chính trị phù hợp với chế độ chính trị của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tuân thủ pháp luật của Việt Nam; đáp ứng yêu cầu về kiến thức và năng lực giảng dạy;

c) Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy của Học viện và trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã nghỉ chế độ hưu trí.

Điều 3. Mục đích

1. Làm căn cứ để lãnh đạo Học viện và người đứng đầu các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện quản lý, sử dụng giảng viên đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

2. Làm cơ sở để lãnh đạo Học viện và người đứng đầu các đơn vị đánh giá, xếp loại giảng viên hằng năm đảm bảo công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của giảng viên.

3. Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Làm cơ sở để Học viện thanh toán chế độ cho giảng viên thực hiện vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy trong năm học theo quy định tại văn bản này và Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

Chương II

TIÊU CHUẨN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 4. Tiêu chuẩn chung

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phẩm chất đạo đức tốt; chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tận tụy, trung thực, cầu thị; tâm huyết với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và sự nghiệp phát triển Học viện; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên trường Đảng; đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong công tác và trong cuộc sống; dân chủ trong giảng dạy, công bằng trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và ứng xử chuẩn mực với sinh viên, học viên, đồng nghiệp.

3. Có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn CDNN giảng viên theo quy định hiện hành.

4. Có trình độ lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn; có năng lực nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn.

5. Có đủ sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ giảng viên theo yêu cầu nghề nghiệp.

Điều 5. Nhiệm vụ chung

1. Giảng dạy các lớp thuộc Học viện; Phân hiệu; tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo khác khi được sự phân công hoặc theo đề nghị của cá nhân và được Thủ trưởng đơn vị đồng ý (trừ giảng viên thỉnh giảng).

2. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.

3. Nghiên cứu khoa học, tham gia hoạt động thực tiễn và tổng kết thực tiễn để nâng cao chất lượng chuyên môn nghiên cứu, giảng dạy; chủ động, tích cực

tham gia vào việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thông qua việc lồng ghép vào nội dung giảng dạy.

4. Tham gia bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ, kế cận cho Học viện.

5. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, tập thể trong cơ quan, đơn vị và nơi cư trú; góp phần xây dựng hình ảnh Học viện, hình ảnh cán bộ, giảng viên trường Đảng, văn hóa trường Đảng; xây dựng và phát triển mối quan hệ giữa Học viện với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong và ngoài nước có liên quan.

6. Đi thực tế, biệt phái dài hạn từ 6 đến 24 tháng tại các cơ quan Trung ương, địa phương hoặc các đơn vị trực thuộc Học viện đối với giảng viên hạng I, II, III (nam dưới 50 tuổi, nữ dưới 45 tuổi) khi được phân công (nếu có); không yêu cầu đi thực tế, biệt phái với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được tuyển dụng đã công tác tại các ban, bộ, ngành, địa phương có thời gian từ 05 năm trở lên trước khi chuyển công tác về Học viện.

7. Đi nghiên cứu thực tế phục vụ công tác chuyên môn hằng năm theo quy định chung của Học viện.

8. Giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ) và nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

9. Ngoài ra, giảng viên còn phải thực hiện nhiệm vụ của các chức danh giảng viên theo:

Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Học viện.

10. Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện và các quy định khác của

pháp luật có liên quan.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao.

Điều 6. Nhiệm vụ và tiêu chuẩn cụ thể của Trợ giảng

1. Nhiệm vụ:

a) Hỗ trợ giảng viên (hạng III), giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, thực tập và chấm bài;

b) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, thực tập và có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo;

b) Hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo. Xác định được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;

c) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học;

d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng (hạng III).

Điều 7. Nhiệm vụ, tiêu chuẩn cụ thể của Giảng viên tập sự

1. Nhiệm vụ:

a) Nghiên cứu chương trình, vị trí, yêu cầu, môn học, phương pháp giảng dạy, các quy định kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập;

Hỗ trợ giảng viên (hạng III), giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) trong các hoạt động giảng dạy như: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng

dẫn bài tập, thảo luận, thực hành, thực tập và chấm bài;

b) Xây dựng ít nhất 01 đề cương bài giảng cho 01 học phần/môn học và thông qua bài giảng (05 tiết) trước Hội đồng của cấp tổ chuyên môn (vòng 1) và cấp khoa/Phân hiệu (vòng 2) theo quy định thông qua bài giảng của Học viện;

c) Dự giảng tối thiểu 01 học phần/môn học trong thời gian tập sự;

d) Tham gia công tác giảng dạy;

đ) Phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần, thái độ công tác;

e) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác được phân công;

f) Phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (nếu chưa phải là Đảng viên).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo:

a) Tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên và có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;

b) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên tập sự.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học;

b) Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập; đồng thời, có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo;

c) Hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công giảng dạy thuộc chuyên ngành đào tạo; xác định được thực tiễn và xu hướng phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;

d) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các đồ dùng, phương tiện và trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập.

Điều 8. Nhiệm vụ, tiêu chuẩn cụ thể của Giảng viên (hạng III)

1. Nhiệm vụ:

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định. Trong thời gian 2 năm tính từ khi được bổ nhiệm vào CDNN, giảng dạy được ít nhất 02 học phần/môn học trong các chương trình đào tạo đại học, sau đại học;

b) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo);

d) Tổ chức, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, các đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

e) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập;

f) Học tập, tu dưỡng, phấn đấu có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để dự xét thăng hạng lên giảng viên chính;

g) Phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (nếu chưa phải là Đảng viên).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên và có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên đại học hoặc chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN giảng viên (hạng III) trước ngày 30/6/2022;

c) Có bằng cử nhân chính trị hoặc trung cấp lý luận chính trị (hoặc trung cấp lý luận chính trị - hành chính) trở lên đối với giảng viên giảng dạy lý luận chính trị;

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công giảng dạy; có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b) Hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo. Xác định được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;

c) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên;

d) Có khả năng nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào giảng dạy và các công việc được giao;

e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên (hạng III).

Điều 9. Nhiệm vụ, tiêu chuẩn cụ thể của Giảng viên chính (hạng II)

1. Nhiệm vụ:

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định; trong thời gian 02 năm tính từ khi chuyển CDNN khác sang CDNN giảng viên chính, giảng dạy được ít nhất 02 học phần/ môn học trong các chương trình đào tạo đại học, sau đại học.

b) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Chủ trì, tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

e) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập;

f) Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành;

g) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; phần đầu có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để xét thăng hạng lên CDNN giảng viên cao cấp;

h) Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu, giảng dạy và các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên đại học hoặc chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN giảng viên chính (hạng II) trước ngày 30/6/2022;

c) Có bằng cao cấp lý luận chính trị (hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc bằng cử nhân chính trị) đối với giảng viên các chuyên ngành lý luận chính trị; có bằng trung cấp lý luận chính trị (hoặc trung cấp lý luận chính trị - hành chính) trở lên đối với giảng viên các ngành khác đang được đào tạo tại Học viện;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với giảng viên giảng dạy lý luận chính trị;

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Vận dụng có hiệu quả lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác nghiên cứu và giảng dạy;

b) Có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

c) Hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công đảm nhiệm; nắm bắt kịp thời yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;

d) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

e) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;

f) Tác giả của ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên chính (hạng II);

h) Có phương pháp giảng dạy khoa học; sử dụng thành thạo các phương tiện, công nghệ hỗ trợ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu; có năng lực tổng kết thực tiễn, đưa kết quả nghiên cứu vào bài giảng;

i) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ CDNN giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 lên CDNN giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 phải có thời gian giữ CDNN giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sĩ, đủ 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng CDNN giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Điều 10. Nhiệm vụ, tiêu chuẩn cụ thể của Giảng viên cao cấp (hạng I)

1. Nhiệm vụ:

a) Giảng dạy; hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; chủ trì hoặc tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; trong thời gian 02 năm tính từ khi chuyển CDNN khác sang CDNN giảng viên cao cấp, giảng dạy được ít nhất 02 học phần/môn học trong các chương trình đào tạo đại học, sau đại học;

b) Chủ trì xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành; chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học; định hướng nghiên cứu khoa học cho khoa, nhóm chuyên môn;

d) Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học. Chủ trì hoặc tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của khoa và chuyên ngành; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

e) Tổ chức hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học; hướng dẫn người học phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của người học để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng;

f) Nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn để nâng cao chất lượng giảng dạy, đóng góp vào việc bảo vệ, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

g) Chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành;

h) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

i) Học tập, tu dưỡng, phấn đấu có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để được công nhận các chức danh, danh hiệu đối với nhà giáo, giải thưởng của Học viện, của Nhà nước;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên đại học hoặc chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) trước ngày 30/6/2022;

c) Có bằng cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành

chính, hoặc cử nhân chính trị;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với giảng viên giảng dạy lý luận chính trị.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Hiểu biết sâu sắc, hệ thống và có khả năng vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào công tác nghiên cứu và giảng dạy;

b) Có kiến thức chuyên sâu về các môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức vững vàng của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

c) Nắm vững thực tế và xu thế phát triển của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của chuyên ngành;

d) Có khả năng tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn giảng viên, học viên nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;

e) Có phương pháp giảng dạy khoa học; sử dụng thành thạo các phương pháp, đồ dùng, phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập;

f) Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

g) Hướng dẫn ít nhất 02 (hai) học viên được cấp bằng thạc sĩ hoặc hướng dẫn chính hoặc phụ ít nhất 01 (một) nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ;

Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp 02 (hai) lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại điểm c khoản này;

h) Chủ trì biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;

i) Tác giả của ít nhất 06 (sáu) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

k) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên cao cấp (hạng I).

l) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ CDNN giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 lên CDNN giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 phải có thời gian giữ CDNN giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 (sáu) năm; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng CDNN giảng viên (hạng II), mã số V.07.01.02 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Điều 11. Nhiệm vụ, tiêu chuẩn cụ thể của Giảng viên kiêm nhiệm

1. Nhiệm vụ

Thực hiện nghĩa vụ theo CDNN giảng viên và theo định mức giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động khác tại Quy định này.

2. Tiêu chuẩn

Có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy; có khả năng sư phạm, đạo đức nghề nghiệp, đủ tiêu chuẩn giảng viên và có nguyện vọng giảng dạy, được Khoa chuyên môn/Phân hiệu đồng ý đề nghị Giám đốc Học viện/Phân hiệu công nhận là giảng viên kiêm nhiệm tại đơn vị.

Điều 12. Nhiệm vụ, tiêu chuẩn cụ thể của Giảng viên thỉnh giảng

1. Nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của pháp luật; giảng dạy, báo cáo các chuyên đề khoa học, thực tiễn bảo đảm đúng đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tiêu chuẩn:

a) Phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn chung đối với giảng viên tại Quy định này;

b) Phải có trình độ chuyên môn, khả năng sư phạm, đạo đức nghề nghiệp; đảm bảo giảng dạy được các học phần/môn học trong chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành tại Khoa chuyên môn/Phân hiệu mời giảng dạy.

Chương III

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 12. Quyền lợi và trách nhiệm của giảng viên

1. Quyền lợi:

a) Được dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được tham gia các hội thảo, tọa đàm khoa học trong, ngoài Học viện và ngoài nước; được tiếp cận các thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu;

b) Được đóng góp ý kiến, tham mưu, tư vấn vào việc hoạch định đường lối, chiến lược, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với trình độ chuyên môn khi có yêu cầu;

c) Được hưởng các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước, của Học viện đối với giảng viên; được xếp lương theo CDNN, bậc lương tương ứng với trình độ được đào tạo và vị trí việc làm, nhiệm vụ, công việc;

d) Được đảm bảo các đồ dùng, trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và của Học viện;

e) Được tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ;

f) Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Học viện và Pháp luật.

2. Trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng các quy định về ứng xử văn hóa của Học viện, văn hóa trường Đảng và các quy định của Đảng, Nhà nước về giáo dục, đào tạo;

b) Cụ thể hóa chương trình, kế hoạch công tác ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo tiêu chuẩn, nhiệm vụ của giảng viên;

c) Thường xuyên báo cáo thủ trưởng đơn vị về kết quả hoạt động và tự kiểm điểm, đánh giá hằng năm;

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Học viện và Pháp luật.

Điều 13 . Quyền lợi và trách nhiệm của Giảng viên kiêm nhiệm

1. Được đơn vị sử dụng tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; các danh hiệu đối với nhà giáo theo quy định của pháp luật và của Học viện.

2. Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định của pháp luật và của Học viện; được thanh toán phụ cấp giảng dạy và thù lao hướng dẫn, chấm

bài, chấm khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp, luận văn, luận án,...; được chuyển sang CDNN giảng viên (nếu có yêu cầu và nguyện vọng) và Học viện còn vị trí việc làm.

Điều 14. Quyền lợi và trách nhiệm của Giảng viên thỉnh giảng

1. Được Học viện mời tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hoạt động hợp tác quốc tế, nghiên cứu, khảo sát ở nước ngoài; được tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm các chức danh giáo sư, phó giáo sư; các danh hiệu đối với nhà giáo theo quy định của pháp luật và của Học viện.

2. Được đề nghị xét khen thưởng, trao bằng danh dự, kỷ niệm chương... của Học viện trong trường hợp có đóng góp đặc biệt vào công tác đào tạo của Học viện.

3. Giảng viên thỉnh giảng được hưởng thù lao, quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng thỉnh giảng, hợp đồng vụ việc theo quy định của Đảng, Nhà nước và của Học viện.

4. Thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của pháp luật về giáo dục.

5. Thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến hợp đồng thỉnh giảng.

6. Thực hiện các cam kết của hợp đồng thỉnh giảng.

7. Nhà giáo thỉnh giảng là cán bộ, công chức, viên chức phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ tại cơ quan, tổ chức nơi mình công tác; đưa kế hoạch thỉnh giảng vào chương trình công tác; phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi mình công tác trước khi giao kết và sau khi chấm dứt hợp đồng thỉnh giảng.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 15. Quy định về thời gian làm việc

Thời gian làm việc của giảng viên cơ hữu trong một năm học là 44 tuần (tương đương 1760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học (từ ngày 01/8 năm trước đến ngày 31/7 năm sau) sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

Điều 16. Quy định về định mức thời gian làm việc của các chức danh giảng viên

Chức danh giảng viên	Khung định mức giờ chuẩn	Nghiên cứu khoa học tính theo đơn vị sản phẩm (viết tắt là ĐVSP)	Phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ khác
Giảng viên tập sự	90 (tương đương 270 giờ)	Khuyến khích	1490 giờ
Giảng viên	230 (tương đương 690 giờ)	2,0 ĐVSP (600 giờ)	470 giờ
Giảng viên chính	250 (tương đương 750 giờ)	2,5 ĐVSP (750 giờ)	260 giờ
Giảng viên cao cấp	270 (tương đương 810 giờ)	3,0 ĐVSP (900 giờ)	50 giờ

1. Quy định về giờ chuẩn giảng dạy và quy đổi ra giờ chuẩn

a) Giờ chuẩn giảng dạy (sau đây gọi chung là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết ở trình độ đại học, giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

b) Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó 01 tiết giảng lý thuyết, thực hành trên lớp hoặc giảng dạy trực tuyến là 50 phút (đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) được tính bằng 01 giờ chuẩn giảng dạy và được quy định cụ thể:

- Một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến cho tối đa 40 sinh viên được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy; một tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường, bãi tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy;

- Một tiết giảng trực tuyến được tính tương đương một tiết giảng trực tiếp. Số người học được tính là tổng số người học ở các điểm cầu trực tuyến.

Trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải bảo đảm tối thiểu 50% định mức quy định.

c) Căn cứ vào tình hình thực tế của Học viện và khi cần thiết, Giám đốc Học viện quy định cụ thể định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với từng chức danh giảng viên cho phù hợp nhưng không vượt quá hoặc thấp hơn quy định của pháp luật.

d) Trường hợp giảng viên biệt phái hoặc chuyển đổi vị trí công tác thì số giờ chuẩn được giảm tương ứng với thời gian biệt phái hoặc chuyển đổi vị trí công tác.

e) Trường hợp giảng viên không đủ định mức giờ chuẩn, được quy đổi các hoạt động thanh toán trực tiếp vào giờ chuẩn:

- Các chuyên đề giảng dạy đầu khóa; Giảng dạy các lớp cung ứng dịch vụ công theo chức năng, nhiệm vụ của Học viện; lớp bổ sung kiến thức để dự thi cao học, nghiên cứu sinh và các lớp bồi dưỡng theo nhu cầu (nếu có);
- Các hoạt động chuyên môn gắn với nhiệm vụ giảng dạy: ra đề, coi thi, chấm thi, hướng dẫn thực tập, kiến tập, ...

Trong trường hợp giảng viên đã được thanh toán trực tiếp (bao gồm cả giảng dạy các lớp thanh toán trực tiếp), giảng viên phải nộp lại kinh phí đã nhận để được tính quy đổi và xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

f) Trong một năm học, giảng viên giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác vượt định mức giờ giảng được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo quy định của pháp luật và của Học viện.

Quy đổi giờ giảng thực hiện theo Phụ lục I của Quy định này

2. Quy định về nghiên cứu khoa học và quy đổi ra giờ chuẩn

Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; tối thiểu tương đương với một đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Nội dung nghiên cứu khoa học phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, giảng dạy của Học viện.

Quy đổi sản phẩm nghiên cứu khoa học thực hiện theo Phụ lục II của Quy định này

3. Quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác

Giảng viên đang đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, kiêm nhiệm các công tác quản lý hoặc làm việc theo chế độ hành chính tại các đơn vị thuộc Học viện không phải thực hiện kê khai giờ làm việc phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ khác và được xác định đã bố trí thời gian hoàn thành nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ khác của giảng viên theo quy định chung.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng và các hoạt động chuyên môn khác gồm:

- Tổ chức các buổi tập huấn, nói chuyện chuyên đề dành cho công chúng; tham gia thảo luận, trao đổi về các vấn đề cộng đồng, dạy học vì cộng đồng, vệ sinh môi trường, tham gia vào hoạt động thiện nguyện, hiến máu nhân đạo, xóa mù chữ cho trẻ em nghèo; tham gia xây dựng, góp ý và phản biện văn bản hoặc chính sách ...;

- Tham gia các hoạt động tập thể của đơn vị, của Học viện như: văn nghệ; thể thao; truyền thông, quảng bá tuyển sinh ...;

- Tham gia các hoạt động của các cơ quan, tổ chức ngoài Học viện;

- Tham gia họp Đảng, đoàn thể, hành chính và chuyên môn tại đơn vị (định kỳ và đột xuất);

- Dự các hội nghị do Học viện tổ chức hoặc được Học viện cử;

- Tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ...

Quy đổi hoạt động phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác thực hiện theo Phụ lục III của Quy định này

Điều 17. Chế độ giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học

1. Chế độ giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy

a) Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo quy định của Bộ Luật lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

b) Giảng viên trong thời gian nghỉ thai sản thì định mức giờ chuẩn được tính như sau:

- Giảng viên nữ nghỉ thai sản

Giờ chuẩn giảm trừ = Định mức giảng dạy/10 tháng x số tháng được nghỉ theo quy định;

- Giảng viên nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng giảm 20% định mức giảng dạy

Giờ chuẩn giảm trừ = (Định mức giảng dạy x 20%)/10 tháng x số tháng nuôi con nhỏ dưới 12 tháng;

- Giảng viên nữ nuôi con nhỏ từ 13 - 36 tháng (không tròn cả năm) giảm 10% định mức giảng dạy

Giờ chuẩn giảm trừ = (Định mức giảng dạy x 10%)/10 tháng x số tháng nuôi con nhỏ dưới 36 tháng.

c) Giảng viên được cử đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đi công tác thì được hưởng tỷ lệ miễn giảm theo cách tính sau:

- Giảng viên được cử đi công tác, đi đào tạo, bồi dưỡng tập trung liên tục mỗi đợt từ 30 ngày trở lên thì cứ mỗi 30 ngày được giảm 10% giờ nghỉ vụ của năm nhưng tối đa không quá 100%. Trong một năm được cử đi nhiều đợt liên tục thì cộng dồn để tính tỷ lệ miễn giảm tương ứng, số ngày lẻ cuối cùng nhiều hơn 15 ngày được tính tròn thành 30 ngày. Thời gian học tính từ ngày khai giảng khóa học đến hết ngày thi hoặc ngày kiểm tra cuối cùng của khóa học (không tính thời gian gia hạn);

- Giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hệ không tập trung (cao học, nghiên cứu sinh, cao cấp lý luận chính trị...) được giảm 30% định mức giờ giảng theo tỷ lệ tương ứng với tháng đi học; Chế độ giảm trừ đối với giảng viên đi học thạc sĩ, tiến sĩ được áp dụng khi có quyết định cử đi đào tạo của Giám đốc Học viện. Thời gian giảm trừ tính theo thời gian học ghi trong quyết định lần đầu, không tính thời gian gia hạn.

d) Giảng viên được cử đi học tập trung liên tục từ 10 tháng trở lên được giảm 100% định mức giờ giảng.

e) Các trường hợp miễn giảm đặc biệt khác do Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

2. Chế độ giảm định mức nghiên cứu khoa học

Giảng viên được miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học trong các trường hợp sau:

a) Được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài: được giảm 100% định mức nghiên cứu khoa học theo số tháng tương ứng;

b) Đi học tập ở trong nước: được cử đi đào tạo, bồi dưỡng tập trung liên tục từ 30 ngày trở lên thì cứ mỗi 30 ngày được giảm 10% định mức giờ nhưng tối đa không quá 100%. Trong một năm được cử đi nhiều đợt liên tục thì cộng dồn để tính tỷ lệ miễn giảm tương ứng, số ngày lẻ cuối cùng nhiều hơn 15 ngày được tính tròn thành 30 ngày. Thời gian học tính từ ngày khai giảng khóa học đến hết ngày thi hoặc ngày kiểm tra cuối cùng của khóa học (không tính thời gian gia hạn);

c) Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc; giảng viên được chuyển từ CDNN khác sang (trong thời gian 12 tháng) được miễn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để dành thời gian tham gia dự giờ, trợ giảng và tham gia thực tập, thực tế; khuyến khích viết bài đăng tạp chí, bản tin khoa học, tham luận hội thảo khoa học các cấp;

d) Giảng viên trong thời gian nghỉ thai sản được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ;

e) Các trường hợp khác do Giám đốc Học viện quyết định.

Điều 18. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể và giảng viên kiêm nhiệm làm việc tại các đơn vị tham mưu, quản lý

Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác đảng, đoàn (trừ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh) và giảng viên kiêm nhiệm làm việc tại các đơn vị tham mưu, quản lý có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định tại Điều 10 của Quy định này.

Định mức quy định tại Phụ lục IV

Chương IV

QUẢN LÝ, ĐÁNH GIÁ GIẢNG VIÊN

Điều 19. Quản lý hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học

1. Trưởng khoa thuộc Học viện/Giám đốc Phân hiệu chịu trách nhiệm quản lý khối lượng, chất lượng giảng dạy của từng giảng viên thuộc quyền quản lý.

2. Trưởng khoa có trách nhiệm bố trí giờ giảng cho giảng viên. Trường hợp giảng viên chưa đủ định mức giờ chuẩn trong năm thì lãnh đạo đơn vị giảng dạy có trách nhiệm sắp xếp, phân công giảng viên tham gia giảng dạy hoặc làm nhiệm vụ khác để đảm bảo đủ định mức giờ chuẩn theo quy định.

3. Ban Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm quản lý, xác nhận định mức nghiên cứu khoa học của giảng viên tại Hà Nội. Bộ phận Quản lý khoa học tại các Phân hiệu chịu trách nhiệm quản lý, xác nhận định mức nghiên cứu khoa học của giảng viên tại Phân hiệu. Hằng năm (trước thời điểm đánh giá, xếp loại) tổng hợp định mức nghiên cứu khoa học của toàn thể đội ngũ giảng viên báo cáo Giám đốc Học viện thông qua Ban Tổ chức cán bộ.

4. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo/Bộ phận Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo tại Phân hiệu chịu trách nhiệm về quản lý, xác nhận các vấn đề liên quan đến ra đề và chấm thi.

5. Giảng viên có trách nhiệm hoàn thành đủ nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo định mức tương ứng với CDNN giảng viên quy định tại Điều 16 Quy định này; thống kê toàn bộ khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác (trừ khối lượng công việc đã được chi trả trực tiếp) kèm minh chứng (lịch giảng và các sản phẩm khoa học...).

6. Không tính giờ nghiên cứu khoa học đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thực hiện quá hạn hoặc không được nghiệm thu hoặc nghiệm thu loại không đạt.

7. Đối với giảng viên không thực hiện đủ định mức nghiên cứu khoa học có thể bù giờ chuẩn giảng dạy sang ĐVSP khoa học nhưng phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức nghiên cứu khoa học. Quy đổi 100 giờ chuẩn giảng dạy tương đương 1,0 ĐVSP khoa học. Số giờ chuẩn quy đổi sang nhiệm vụ nghiên cứu khoa học sẽ giảm trừ vào số giờ chuẩn vượt định mức khi thanh toán chi trả thù lao vượt giờ chuẩn.

Điều 20. Khối lượng công tác của giảng viên quy ra giờ chuẩn được thống kê tính cho từng người

1. Giảng viên được thanh toán số giờ vượt định mức giờ chuẩn khi đảm bảo đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác và thanh toán theo từng năm. Mức thanh toán vượt giờ được tính theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

2. Giảng viên giảng dạy đã được thanh toán trực tiếp thì không được tính vào tổng giờ chuẩn hằng năm.

3. Thời gian làm việc vượt định mức của giảng viên hằng năm không được vượt quá thời gian theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Loại hình đào tạo được tính định mức giờ chuẩn giảng dạy và thanh toán vượt giờ: Đại học, Sau đại học, học bổ sung kiến thức trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh, các lớp giảng dạy trình độ đại học trong học kỳ phụ (trừ các chuyên đề đầu khóa).

Điều 21. Quản lý, đánh giá giảng viên

1. Căn cứ vào quy định đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân của pháp luật và của Học viện, Trường khoa có trách nhiệm trực tiếp quản lý, nhận xét, đánh giá, xếp loại giảng viên thuộc đơn vị mình trực tiếp quản lý theo nguyên tắc công khai, dân chủ.

2. Căn cứ kết quả đánh giá hằng năm, Trường khoa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp, sử dụng cho phù hợp với năng lực, trình độ của giảng viên.

Điều 22. Quy định kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên đủ tuổi nghỉ hưu

Giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ giữ CDNN giảng viên cao cấp được kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Học viện.

Điều 23. Công nhận, sử dụng, quản lý giảng viên kiêm nhiệm

1. Công nhận Giảng viên kiêm nhiệm

a) Đối tượng có nguyện vọng tham gia giảng dạy kiêm nhiệm, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy theo yêu cầu chuyên môn, có đơn đề nghị (có sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đang công tác) gửi Khoa chuyên môn;

b) Trường Khoa xem xét nhu cầu, đánh giá chuyên môn của người có đơn đề nghị, phối hợp với Ban Tổ chức cán bộ/Phòng Hành chính - Kế toán tại Phân hiệu báo cáo Giám đốc Học viện/Giám đốc Phân hiệu ra quyết định công nhận giảng viên kiêm nhiệm;

c) Giám đốc Học viện/Phân hiệu ra quyết định phân công giảng viên kiêm

nhiệm về các Khoa chuyên môn theo đăng ký của giảng viên, bảo đảm đúng yêu cầu chuyên môn.

d) Các Phân hiệu gửi Danh sách giảng viên kiêm nhiệm báo cáo Giám đốc qua Ban Tổ chức cán bộ.

2. Sử dụng, quản lý giảng viên kiêm nhiệm.

a) Hằng năm, các Trường khoa có trách nhiệm bố trí giờ giảng cho giảng viên kiêm nhiệm được phân công về đơn vị mình tối thiểu đảm bảo đủ định mức giờ chuẩn giảng dạy của CDNN giảng viên tương ứng.

b) Mỗi giảng viên kiêm nhiệm chỉ được tham gia giảng dạy kiêm nhiệm không quá 03 đơn vị giảng dạy.

c) Các đơn vị chức năng trong Học viện tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ là giảng viên kiêm nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy; phối hợp với đơn vị nghiên cứu giảng dạy nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy làm căn cứ bổ sung cho việc đánh giá, xếp loại và bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm đối với giảng viên kiêm nhiệm.

Điều 24. Công nhận, sử dụng, quản lý giảng viên thỉnh giảng

1. Công nhận giảng viên thỉnh giảng

a) Căn cứ kế hoạch giảng dạy của đơn vị và nhu cầu, khả năng tham gia của giảng viên, Trường khoa đề xuất danh sách đề nghị Giám đốc Học viện/Phân hiệu qua Ban Tổ chức cán bộ/Phòng Hành chính - Kế toán tại Phân hiệu quyết định công nhận giảng viên thỉnh giảng;

b) Giám đốc Học viện đề xuất danh sách và đề nghị cấp trên ra quyết định công nhận cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý làm giảng viên thỉnh giảng cao cấp của Học viện;

c) Trên cơ sở danh sách giảng viên thỉnh giảng đã được phê duyệt, căn cứ kế hoạch đào tạo, Khoa chuyên môn mời giảng viên thỉnh giảng.

d) Các Phân hiệu gửi Danh sách giảng viên thỉnh giảng báo cáo Giám đốc qua Ban Tổ chức cán bộ.

2. Sử dụng, quản lý giảng viên thỉnh giảng

a) Trường khoa bố trí kế hoạch giảng dạy hợp lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ giảng viên thỉnh giảng kết hợp hài hòa với việc sử dụng đội ngũ giảng viên cơ

hữu của đơn vị.

b) Hạn mức giờ thỉnh giảng: Tổng số giờ thỉnh giảng một năm của một giảng viên thỉnh giảng không vượt quá tổng định mức giờ giảng dạy theo quy định của chức danh giảng viên hạng I, hạng II, hạng III.

Điều 25. Chế độ phụ cấp ưu đãi nhà giáo

1. Đối tượng hưởng phụ cấp ưu đãi nhà giáo

a) Giảng viên (kể cả những người trong thời gian thử việc, hợp đồng) thuộc biên chế trả lương, đang trực tiếp giảng dạy;

b) Viên chức quản lý thuộc biên chế của Học viện, trực tiếp giảng dạy đủ số giờ theo quy định của Học viện.

2. Đối tượng không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nhà giáo trong các thời gian sau:

a) Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

b) Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không tham gia giảng dạy liên tục trên 3 tháng;

c) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

d) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành;

đ) Thời gian bị đình chỉ giảng dạy.

3. Thời gian hưởng và dừng hưởng phụ cấp ưu đãi nhà giáo

a) Thời điểm xét hưởng phụ cấp ưu đãi nhà giáo khi giảng viên đã đảm bảo tối thiểu 50% định mức giờ giảng tương ứng. Thời gian tính hưởng từ khi giảng viên có giờ trực tiếp trên lớp;

b) Trường hợp giảng viên không thực hiện hoặc thực hiện không đủ tối thiểu 50% định mức giờ giảng trực tiếp trên lớp của năm trước, sẽ dừng hưởng phụ cấp ưu đãi nhà giáo của năm sau liền kề.

Điều 26. Chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo

1. Đối tượng hưởng: Giảng viên (có mã số chức danh có các ký tự đầu là V.07) đang giảng dạy, thuộc danh sách trả lương của Học viện.

2. Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên được xác định bằng tổng các thời gian sau:

a) Thời gian giảng dạy có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ sở giáo dục công lập;

b) Thời gian giảng dạy có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập (đối với nhà giáo đang giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập mà trước đây đã giảng dạy, giáo dục ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập);

c) Thời gian làm việc được xếp lương theo một trong các ngạch hoặc chức danh của các chuyên ngành hải quan, tòa án, kiểm sát, kiểm toán, thanh tra, thi hành án dân sự, kiểm lâm, dự trữ quốc gia, kiểm tra đảng; thời gian làm việc được tính hưởng phụ cấp thâm niên trong quân đội, công an, cơ yếu và thời gian làm việc được tính hưởng thâm niên ở ngành, nghề khác (nếu có);

d) Thời gian đi nghĩa vụ quân sự theo luật định mà trước khi đi nghĩa vụ quân sự đang được tính hưởng phụ cấp thâm niên nghề.

3. Thời gian không tính hưởng phụ cấp thâm niên:

a) Thời gian tập sự;

b) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

c) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

d) Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

đ) Thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử;

e) Thời gian không làm việc khác ngoài quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này.

4. Trường hợp giảng viên không thực hiện hoặc thực hiện không đủ tối thiểu 50% định mức giờ giảng trực tiếp trên lớp của năm trước sẽ dừng hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo của năm sau liền kề. Thời gian dừng hưởng không tính vào thời gian hưởng phụ cấp thâm niên. Trường hợp do yếu tố khách quan, Giám đốc Học viện sẽ xem xét, quyết định.

Điều 27. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng: Giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và thực hiện nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của pháp luật và của Học viện.

2. Kỷ luật: Giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có hành vi vi phạm pháp luật và các quy định của Học viện thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Học viện.

Điều 28. Trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc

Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc có trách nhiệm quản lý, bố trí và sử dụng có hiệu quả đội ngũ giảng viên. Thường xuyên chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để giảng viên phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với giảng viên thiếu bằng cao cấp lý luận chính trị, trong thời hạn 03 năm tính từ ngày Quy định này có hiệu lực phải hoàn thiện để đủ tiêu chuẩn.

2. Đối với giảng viên thiếu bằng trung cấp lý luận chính trị, kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời hạn 02 năm tính từ ngày Quy định này có hiệu lực phải hoàn thiện để đủ tiêu chuẩn.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện, giảng viên và viên chức có liên quan thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cá nhân, đơn vị phản ánh bằng văn bản qua Ban Tổ chức cán bộ để trình Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

3. Đối với các hoạt động có tính chất tương đương chưa đưa vào Quy định, tùy từng chương trình đào tạo, Ban Tổ chức cán bộ sẽ tham mưu trình Giám đốc Học viện hướng dẫn tỉ lệ quy đổi. Trong trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quyết định.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Quy định này thay thế Quy định về chế độ làm việc của giảng viên Học viện Hành chính và Quản trị công bản hành kèm theo Quyết định số 3417/QĐ-HCQG ngày 27/5/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/8/2025. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

PHỤ LỤC I

QUY ĐỔI GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY

A. QUY ĐỔI TỪ GIỜ GIẢNG DẠY TRỰC TIẾP

Nội dung quy đổi	Đơn vị và hệ số quy đổi
I. Quy đổi theo tính chất môn học	Hệ số giờ
Một giờ giảng lý thuyết, thực hành trên lớp, trực tuyến, hướng dẫn bài tập tình huống, thảo luận, giải đáp môn học, hướng dẫn ôn tập trên lớp, báo cáo chuyên đề, đề án, hướng dẫn viết báo cáo thực tập, kiến tập, hướng dẫn trải nghiệm thực tế, ...	1,0
II. Quy đổi theo chương trình đào tạo	
1. Chương trình đào tạo	
- Đào tạo đại học, bổ sung kiến thức đề dự tuyển cao học	1,0
- Đào tạo thạc sĩ, bổ sung kiến thức dự tuyển nghiên cứu sinh và bổ sung kiến thức trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh	1,5
- Đào tạo tiến sĩ	1,6
- Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ	2,0
III. Quy đổi theo quy mô lớp học đối với các lớp đại học và sau đại học	Hệ số giờ
- Lớp có từ 40 người học trở xuống	1,0
- Lớp có từ 41 đến 60 người học	1,1
- Lớp có từ 61 đến 80 người học	1,2
- Lớp có từ 81 đến 100 người học	1,3
- Lớp có từ 101 đến 120 người học	1,4
- Lớp có từ 121 trở lên	1,5
IV. Quy đổi theo thời gian giảng dạy	Hệ số giờ
- Trong thời gian nghỉ hè (nếu có)	2

Ghi chú:

Nếu giảng viên giảng dạy được quy đổi các hệ số đồng thời theo các tiêu chí thì được tính cộng dồn chênh lệch hệ số.

Ví dụ: Giảng viên giảng lý thuyết lớp cao học (hệ số quy đổi 1,5), lớp có 80 học viên (hệ số quy đổi 1,1). Hệ số quy đổi sẽ được tính như sau:

$$1,0 + (1,5 - 1,0) + (1,1 - 1,0) = 1,6$$

B. QUY ĐỔI TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG GẮN VỚI GIẢNG DẠY KHÁC

Trường hợp giờ giảng trực tiếp trên lớp của giảng viên không đủ định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 của Quy định này (sau khi đã quy đổi theo Mục I, Phụ lục I) thì có thể được quy đổi từ các hoạt động gắn với giảng dạy khác được quy định sau đây nhưng không được vượt quá 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định cho từng chức danh.

I. Quy đổi từ ra đề

TT	Tên công việc (01 câu kèm đáp án)	Giờ chuẩn (giờ)
1	Đề thi, kiểm tra hết môn học/học phần	
	- Tự luận	0,4 giờ/câu
	- Trắc nghiệm	0,1 giờ/câu
	- Thực hành	0,5 giờ/câu
	- Tự luận kết hợp trắc nghiệm	0,3 giờ/câu
	- Tự luận kết hợp làm bài thi thực hành	0,45 giờ/câu
	- Vấn đáp	0,2 giờ/câu
	- Bài tập lớn, tiểu luận	0,7 giờ/câu
2	Ra đề (không thuộc trong ngân hàng câu hỏi thi)	
	- Ra bộ đề thi tuyển sinh cao học theo hình thức tự luận/tự luận kết hợp trắc nghiệm/trắc nghiệm/vấn đáp	4,0 giờ/bộ
	- Ra bộ đề thi kết thúc học phần/môn học theo hình thức tự luận/vấn đáp/tiểu luận/bài tập lớn/thực hành	4,0 giờ/bộ
	- Ra bộ đề thi kết thúc học phần/môn học theo hình thức tự luận kết hợp trắc nghiệm	4,0 giờ/bộ
	- Ra bộ đề thi kết thúc học phần/môn học theo hình thức trắc nghiệm	4,0 giờ/bộ
	- Ra bộ đề thi kết thúc học phần/môn học theo hình thức thực hành kết hợp vấn đáp	6,0 giờ/bộ
3	Duyệt đề đào tạo	
	- Duyệt 1 đề kiểm tra viết và đáp án	0,5
	- Duyệt 5 đề kiểm tra vấn đáp và đáp án	0,5
	- Duyệt 1 đề kiểm tra trắc nghiệm và đáp án	0,5

Ghi chú: Quy đổi từ đề thi sang giờ giảng chuẩn được tính đối với bộ đề thi được làm lần đầu.

II. Quy đổi từ coi thi, chấm bài, duyệt giáo án, chấm giảng

TT	Tên công việc	Giờ chuẩn (giờ)
1	Coi thi trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (giờ chuẩn/buổi)	
1.1	Trong giờ hành chính - 01 buổi thi từ 150 phút trở lên - 01 buổi thi 120 phút - 01 buổi thi 90 phút - 01 buổi thi 60 phút	3,5 giờ/2 người 3,0 giờ/2 người 2,5 giờ/2 người 2,0 giờ/2 người
1.2	Thứ bảy; chủ nhật; ngoài giờ hành chính - 01 buổi thi từ 150 phút trở lên - 01 buổi thi 120 phút - 01 buổi thi 90 phút - 01 buổi thi 60 phút	4,0 giờ/2 người 3,5 giờ/2 người 3,0 giờ/2 người 2,5 giờ/2 người
2	Chấm bài kiểm tra/thi đối với trình độ đào tạo	
2.1	Chấm thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp	
	- Tự luận	0,3 giờ/bài
	- Trắc nghiệm (không áp dụng cho trường hợp sử dụng máy chấm)	0,15 giờ/bài
	- Tự luận kết hợp trắc nghiệm	0,2 giờ/bài
	- Vấn đáp, thực hành	0,3 giờ/sinh viên
2.2	Chấm thi kết thúc học phần các trình độ đào tạo; chuyên đề nghiên cứu sinh	
	- Tự luận	0,1 giờ/bài
	- Tự luận kết hợp trắc nghiệm	0,08 giờ/bài
	- Trắc nghiệm (trên giấy)	0,05 giờ/bài
	- Vấn đáp kết hợp thực hành/vấn đáp/tiểu luận/bài tập lớn/bài thu hoạch	0,2 giờ/bài
	- Tiểu luận/bài tập lớn trình độ thạc sĩ	0,3 giờ/bài
	- Tiểu luận chuyên đề nghiên cứu sinh	0,5 giờ/bài
2.3	Chấm điểm kiểm tra đánh giá định kỳ	0,05 giờ/sinh viên

TT	Tên công việc	Giờ chuẩn (giờ)
2.4	Chấm báo cáo kiến tập, thực tập tốt nghiệp, đề án	
	- Báo cáo kiến tập	0,3 giờ/báo cáo
	- Báo cáo thực tập	0,5 giờ/báo cáo
	- Đề án	0,5 giờ/đề án
	- Báo cáo thực tập tốt nghiệp thạc sĩ	0,7 giờ/báo cáo
2.5	Chấm khóa luận, đồ án tốt nghiệp đại học (trong trường hợp không thành lập Hội đồng)	9,0 giờ/ Khóa luận, đồ án
2.6	Cố vấn học tập/ trợ lý đào tạo đại học, sau đại học (chỉ áp dụng cho giảng viên)	1,0 giờ/ học viên, sinh viên/01 năm học
3	Duyệt giáo án, chấm giảng	
3.1	- Duyệt giáo án học phần: + Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa khi được Trưởng khoa giao (01 người) + Giảng viên chuyên môn khi được Trưởng khoa giao (01 người)	3,0 giờ/học phần 2,0 giờ/học phần
3.2	Mỗi thành viên chấm giảng (cấp bộ môn, cấp khoa)	2,0 giờ/lượt chấm

III. Quy đổi từ hướng dẫn sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, giảng viên

TT	Tên công việc	Giờ chuẩn
1	Hướng dẫn viết báo cáo kiến tập (01 báo cáo kiến tập)	2,0
2	Hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp đại học (01 báo cáo thực tập)	4,0
3	Hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp thạc sĩ (01 báo cáo thực tập)	6,0
4	Hướng dẫn khoá luận/đồ án/đề án tốt nghiệp đại học (01 khóa luận/đồ án/đề án)	25,0
5	Một ngày hướng dẫn sinh viên kiến tập, thực tập	2,5
6	Hướng dẫn ôn thi tuyển sinh (giờ chuẩn/lớp/môn)	5,0
7	Hướng dẫn luận văn/đề án thạc sĩ (01 học viên)	42,0

TT	Tên công việc	Giờ chuẩn
8	Hướng dẫn luận án tiến sĩ (01 NCS) Trường hợp luận án có hai người hướng dẫn (người hướng dẫn thứ nhất: 30; người hướng dẫn thứ 2: 25)	55,0

*** Ghi chú:**

1. Đối với các nhiệm vụ do nhiều người cùng thực hiện thì tính đối chia đều cho các thành viên tham gia.

2. Các trường hợp quy đổi từ hướng dẫn sinh viên, học viên cao học được tính vào năm sinh viên bảo vệ thành công khóa luận/đồ án/đề án.

3. Các trường hợp quy đổi từ hướng dẫn nghiên cứu sinh được tính theo năm học. Định mức quy đổi giờ hướng dẫn 1 nghiên cứu sinh/năm học bằng định mức hướng dẫn 1 nghiên cứu sinh trong cả khóa học chia đều cho số năm đào tạo theo quy định của chương trình đào tạo (không tính thời gian gia hạn).

PHỤ LỤC II

QUY ĐỔI SẢN PHẨM KHOA HỌC

I. QUY ĐỔI TỪ ĐỀ ÁN, ĐỀ TÀI, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TT	Tên hoạt động khoa học	Đơn vị sản phẩm (ĐVSP)
1	Đề tài, đề án, dự án nghiên cứu khoa học công nghệ: - Cấp nhà nước (Quốc gia) và tương đương - Đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Quốc gia - Cấp bộ, ngành, tỉnh và tương đương - Cấp cơ sở	10,00 8,00 6,00 4,00
2	Chủ trì Hội thảo khoa học: - Cấp quốc tế - Cấp quốc gia - Cấp bộ - Cấp Học viện - Cấp khoa chuyên môn/Phân hiệu - Cấp khoa (Phân hiệu)	2,00 1,50 0,10 0,70 0,50 0,30
3	a) Biên tập Kỷ yếu hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học: - Cấp quốc tế - Cấp quốc gia - Cấp bộ - Cấp Học viện - Cấp khoa thuộc Học viện/Phân hiệu - Cấp khoa (Phân hiệu) b) Biên tập tài liệu hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học (không xuất bản kỷ yếu): - Cấp quốc tế - Cấp quốc gia - Cấp bộ - Cấp Học viện - Cấp khoa chuyên môn/Phân hiệu - Cấp khoa (Phân hiệu)	5,00 4,00 3,00 2,00 1,00 0,8 0 2,50 1,50 1,30 0,80 0,60 0,40
4	Biên tập Thông tin khoa học của Học viện.	0,75
5	Hội đồng nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước; Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Học viện: - Chủ tịch - Thư ký - Thành viên - Phản biện	1,00 0,50 0,50 0,80
6	Hội đồng nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ; Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở: - Chủ tịch - Thư ký	0,50 0,25

TT	Tên hoạt động khoa học	Đơn vị sản phẩm (ĐVSP)
	- Thành viên	0,25
	- Phản biện	0,40
7	Hội đồng nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở; Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ: - Chủ tịch - Thư ký - Thành viên - Phản biện	0,30 0,15 0,15 0,20
8	Hội đồng nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ tại Hội đồng Khoa học - Đào tạo cấp khoa; Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp đại học; Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của sinh viên: - Chủ tịch - Thư ký - Thành viên - Phản biện	0,20 0,10 0,10 0,15
9	Hội đồng nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ tại Hội đồng Khoa học - Đào tạo cấp khoa tại Phân hiệu; - Chủ tịch - Thư ký - Thành viên - Phản biện	0,15 0,07 0,07 0,10
10	Đạt các giải thưởng khoa học công nghệ và hội thi gắn với lĩnh vực chuyên môn (tính cho mỗi người tham gia đạt giải Nhì trở lên; các giải khác được tính 50% ĐVSP tương ứng): - Cấp quốc tế - Cấp quốc gia - Cấp bộ - Cấp Học viện	5,00 4,00 3,00 2,00
11	Phản biện đối với bài báo khoa học của tạp chí/kỷ yếu hội nghị khoa học - Cấp quốc tế - Cấp quốc gia	2,0 1,5
12	Phản biện kín bài báo đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước/ bài	0,50
13	Hội đồng thẩm định đề cương, giáo trình chi tiết học phần trình độ đại học - Chủ tịch - Thư ký - Thành viên - Phản biện	1,0 0,5 0,7 0,8
14	Hội đồng thẩm định đề cương, giáo trình chi tiết học phần trình độ thạc sĩ - Chủ tịch - Thư ký - Thành viên	1,50 1,10 1,10 1,30

TT	Tên hoạt động khoa học	Đơn vị sản phẩm (ĐVSP)
	- Phản biện	
15	Hội đồng thẩm định đề cương, giáo trình chi tiết học phần trình độ tiến sĩ - Chủ tịch - Thư ký - Thành viên - Phản biện	2,00 1,00 1,00 1,50
16	Hướng dẫn luận văn/đề án thạc sĩ (Áp dụng cho trường hợp không quy đổi ra giờ, được tính cho năm học viên bảo vệ thành công luận văn/đề án và đúng hạn)	3,0
17	Hướng dẫn luận án tiến sĩ (Áp dụng cho trường hợp không quy đổi ra giờ, được tính cho năm NCS bảo vệ thành công luận án và đúng hạn)	6,0
18	Hướng dẫn khóa luận/đồ/đề án đại học (Áp dụng cho trường hợp không quy đổi ra giờ, được tính cho năm sinh viên bảo vệ thành công khóa luận/đồ án và đúng hạn)	2,0
19	Hướng dẫn sinh viên, học viên thực hiện đề tài NCKH	1,5

Minh chứng sản phẩm:

- Đề tài, đề án, dự án nghiên cứu khoa học công nghệ: Quyết định giao đề tài, Quyết định nghiệm thu, biên bản nghiệm thu;
- Các nhiệm vụ khác: Quyết định giao nhiệm vụ (Quyết định thành lập đối với các Hội đồng) hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền và sản phẩm kèm theo.

II. QUY ĐỔI TỪ SÁCH, GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

TT	Tên hoạt động khoa học	Đơn vị sản phẩm (ĐVSP)
1	Sách chuyên khảo xuất bản lần đầu (Do các NXB uy tín theo danh mục của HĐCDGS nhà nước công bố ở thời điểm xuất bản)	8,00
2	Sách chuyên khảo xuất bản lần đầu (Do các NXB không nằm trong danh mục NXB uy tín do của HĐCDGS nhà nước công bố ở thời điểm xuất bản)	5,00
3	Sách tham khảo xuất bản lần đầu	3,00
4	Biên soạn chương trình bồi dưỡng, chương trình đào tạo, đề cương học phần theo chương trình, kế hoạch của Học viện (ĐVSP/tiết): - Biên soạn lần đầu - Chỉnh sửa, bổ sung, biên soạn lại	0,10 0,05
5	Biên soạn giáo trình, tài liệu bồi dưỡng theo chương trình, kế hoạch của Học viện (ĐVSP/tiết):	

TT	Tên hoạt động khoa học	Đơn vị sản
	- Biên soạn lần đầu - Chính sửa, bổ sung, biên soạn lại	0,20 0,15
6	Biên soạn tập bài giảng theo chương trình, kế hoạch của Học viện (ĐVSP/tiết): - Biên soạn lần đầu - Chính sửa, bổ sung, biên soạn lại	0,1 0,05
7	Dịch tài liệu chuyên môn theo chương trình, kế hoạch của Học viện (ĐVSP/trang chuẩn)	0,1/01 trang chuẩn

Minh chứng sản phẩm: Trang bìa, mục lục và trang thông tin pháp lý của sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu bồi dưỡng.

III. QUY ĐỔI TỪ BÀI BÁO, BÁO CÁO KHOA HỌC

TT	Tên hoạt động khoa học	Đơn vị sản phẩm (ĐVSP)
1	01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI/Scopus.	3,00
2	01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế khác	2,00
3	01 bài biên dịch có nội dung chuyên môn đăng trên báo, tạp chí chuyên ngành.	0,50
4	Bài đăng tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước	
	<i>Tạp chí được quy định tính điểm công trình cao nhất đến 1,0 (theo quy định của HĐCDGS Nhà nước ở thời điểm đăng bài)</i>	2,0
	<i>Tạp chí được quy định tính điểm công trình cao nhất đến 0,75 (theo quy định của HĐCDGS Nhà nước ở thời điểm đăng bài)</i>	1,5
	<i>Tạp chí được quy định tính điểm công trình từ 0,25 đến 0,5 (theo quy định của HĐCDGS Nhà nước ở thời điểm đăng bài)</i>	1,0
	<i>Các Tạp chí khoa học khác có chỉ số ISSN</i>	0,5
5	01 báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus.	3,00
6	01 báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế viết bằng tiếng nước ngoài có phản biện.	2,50
7	01 báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế viết bằng tiếng Việt có phản biện.	2,00
8	01 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế bằng tiếng nước ngoài (không có kỷ yếu toàn văn).	2,00
9	01 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế bằng tiếng Việt (không có kỷ yếu toàn văn).	1,00
10	01 báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia có phản biện.	1,50
11	01 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia (không	1,00

TT	Tên hoạt động khoa học	Đơn vị sản phẩm (ĐVSP)
	có kỹ yếu toàn văn).	
12	01 báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học cấp bộ và tương đương.	1,00
13	01 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học cấp bộ và tương đương (không có kỹ yếu toàn văn).	0,80
14	01 báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học cấp Học viện, và tương đương. - Có xuất bản - Không xuất bản	0,80 0,60
15	01 báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học cấp khoa. - Có xuất bản - Không xuất bản	0,50 0,40
16	Tham luận tại Hội thảo/Tọa đàm góp ý chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng.	0,1

Minh chứng sản phẩm:

- Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI/Scopus: Minh chứng thể hiện tạp chí thuộc ISI và SCOPUS từ nhóm Q1-Q4. <http://www.scimagor.com> kèm theo trang bìa, mục lục, toàn văn bài báo;

- Bài báo và báo cáo khoa học khác: Trang bìa, mục lục và toàn văn bài báo, báo cáo. Nếu tạp chí xuất bản trực tuyến hoặc hội nghị, hội thảo (không có kỹ yếu toàn văn) thì cung cấp các trang in của website tạp chí hoặc của website hội nghị, hội thảo thông tin về tên bài báo, tác giả và toàn văn bài báo, báo cáo.

PHỤ LỤC III

**QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VÀ THỰC HIỆN CÁC
NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN KHÁC**

STT	Các hoạt động phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác được quy định ra giờ chuẩn	Giờ quy định
1	Các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Tổ chức các buổi tập huấn, nói chuyện chuyên đề dành cho công chúng; tham gia thảo luận, trao đổi về các vấn đề cộng đồng, dạy học vì cộng đồng, vệ sinh môi trường, tham gia vào hoạt động thiện nguyện, hiến máu nhân đạo, xóa mù chữ cho trẻ em nghèo...	50 giờ/hoạt động
2	Tham gia các hoạt động tập thể của đơn vị, của Học viện như: hội Báo toàn quốc; văn nghệ; thể thao; truyền thông, quảng bá tuyển sinh ...	50 giờ/hoạt động
3	Tham gia các hoạt động của các cơ quan, tổ chức ngoài Học viện	50 giờ/hoạt động
5	Tham gia họp hành chính và chuyên môn tại đơn vị (định kỳ và đột xuất)	150 giờ/năm
6	Tham dự họp Đảng, đoàn thể và các cuộc họp khác	100 giờ/năm
7	Dự các hội nghị do Học viện tổ chức hoặc được Học viện cử	04 giờ/buổi
8	Tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	8 giờ/ngày
9	Nghiên cứu thực tế dài hạn (có Quyết định của Giám đốc)	8 giờ/ngày

Ghi chú: Các hoạt động đã được Học viện thanh toán thì không kê khai; các hoạt động của các cơ quan, tổ chức ngoài Học viện phải có minh chứng kèm theo.

PHỤ LỤC IV

**ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN ĐƯỢC BỔ NHIỆM CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO HOẶC KIÊM
NHIỆM CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ
VÀ ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN KIÊM NHIỆM LÀM VIỆC
TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM MƯU, QUẢN LÝ**

1. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể; giảng viên kiêm nhiệm làm việc tại các đơn vị tham mưu, quản lý (trừ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh) có nghĩa vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học tối thiểu theo định mức sau:

TT	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể hoặc giảng viên kiêm nhiệm làm việc tại các đơn vị tham mưu, quản lý	Định mức tối thiểu
A	TẠI TRỤ SỞ CHÍNH	
I	Ban Giám đốc	
1	Giám đốc Học viện	15%
2	Phó Giám đốc Học viện	20%
II	Các đơn vị tham mưu, quản lý thuộc và trực thuộc Học viện (Ban, Văn phòng, Trung tâm, Tạp chí) (áp dụng đối với giảng viên kiêm nhiệm)	
1	Trưởng đơn vị	25%
2	Phó Trưởng đơn vị	30%
3	Giảng viên kiêm nhiệm không giữ chức vụ quản lý	40%
III	Đối với các đơn vị giảng dạy (bao gồm các khoa chuyên môn)	
1	Trưởng khoa	70%
2	Phó Trưởng khoa	80%
IV	Kiểm nhiệm công tác Đảng, Đoàn	
1	Bí thư Đảng uỷ	15%
2	Phó Bí thư Đảng uỷ	30%
3	Ủy viên BCH Đảng bộ, Bí thư chi bộ, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Chủ tịch Hội cựu chiến binh	85%
4	Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh	90%
5	Bí thư Đoàn Học viện	30%
6	Phó Bí thư Đoàn Học viện	40%

7	Bí thư liên chi đoàn	90%
B	TẠI CÁC PHÂN HIỆU	
I	Ban Giám đốc Phân hiệu	
1	Giám đốc Phân hiệu	25%
2	Phó Giám đốc Phân hiệu	30%
II	Các đơn vị tham mưu, quản lý thuộc Phân hiệu (Phòng, Trung tâm) <i>(áp dụng đối với giảng viên kiêm nhiệm)</i>	
1	Trưởng phòng và tương đương	35%
2	Phó Trưởng phòng và tương đương	37%
3	Giảng viên kiêm nhiệm không giữ chức vụ quản lý	40%
III	Đối với các đơn vị giảng dạy (bao gồm các khoa chuyên môn)	
1	Trưởng khoa	85%
2	Phó Trưởng khoa	90%
IV	Kiểm nhiệm công tác Đảng, Đoàn	
1	Bí thư Đảng ủy bộ phận	35%
2	Phó Bí thư Đảng ủy bộ phận	37%
3	Ủy viên BCH Đảng bộ bộ phận, Bí thư chi bộ	90%
4	Phó Bí thư Chi bộ	95%
5	Bí thư Đoàn thanh niên Phân hiệu	40%
6	Phó Bí thư Đoàn thanh niên Phân hiệu	50%
C	CHỨC DANH CHUNG (Học viện trụ sở chính và các Phân hiệu)	
1	Giảng viên làm công tác quốc phòng, quân sự không chuyên trách quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về công tác Quốc phòng của Bộ, ngành trung ương, địa phương	80%
2	Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn giảng dạy.	

2. Giảng viên làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02

năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

3. Giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong Học viện có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Đối với cấp Phó Trưởng đơn vị được giao Quyền Trưởng đơn vị thì áp dụng định mức tối thiểu như đối với Trưởng đơn vị.

5. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm nêu trên.

*** GHI CHÚ:**

1. Chỉ tính các sản phẩm khoa học thực hiện trong năm kê khai (sách, tạp chí, kỷ yếu theo năm xuất bản; đề tài, đề án, dự án, giáo trình, tài liệu đã được nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên theo thời gian ghi trong biên bản nghiệm thu). Không tính giờ nghiên cứu khoa học đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thực hiện quá hạn

2. Cá nhân có bài đăng cùng một nội dung trên các loại ấn phẩm khác nhau (tạp chí, kỷ yếu, ...) thì chỉ được tính theo sản phẩm khoa học có giá trị quy đổi cao nhất.

3. Báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo chưa được xuất bản hoặc có bài viết trên tạp chí chuyên ngành phiên bản điện tử, nếu có xác nhận của cơ quan chủ trì tổ chức hội nghị, hội thảo hay xác nhận của cơ quan phát hành ấn phẩm thì được tính bằng 50% ĐVSP tương ứng.

4. Chủ biên sách, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng; Chủ nhiệm đề tài, đề án khoa học quyết định việc chia sản phẩm cho các thành viên theo mức độ tham gia, trong đó chủ biên, chủ trì, chủ nhiệm đề tài, đề án được tính ít nhất 50% giá trị sản phẩm, 50% còn lại chia cho các thành viên.

Trường hợp không phân chia sản phẩm thì mặc nhiên được tính như sau: 50% giá trị sản phẩm cho chủ biên, chủ trì, chủ nhiệm đề tài, đề án; 50% giá trị sản phẩm chia đều cho các thành viên còn lại.

5. Trường hợp đồng chủ biên, đồng tác giả một sản phẩm khoa học thì chia đều giá trị sản phẩm khoa học đó cho các đồng chủ biên, các đồng tác giả.

6. Trường hợp giáo trình, tài liệu bồi dưỡng được biên soạn không theo chương trình, kế hoạch của Học viện được tính điểm khi có xác nhận của Giám đốc Học viện là giáo trình, tài liệu đó được sử dụng phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Học viện.

7. Đối với nhiệm vụ khoa học do Giám đốc Học viện giao cho đơn vị:

a) Người đứng đầu đơn vị quyết định việc chia sản phẩm cho các thành viên theo mức độ tham gia;

b) Các đề tài, đề án khoa học được giao và nghiệm thu cấp Học viện được tính tương đương đề tài, đề án cấp cơ sở.

8. Sách in và sách điện tử được quy đổi ĐVSP như nhau.

9. Quy đổi ĐVSP của Tạp chí điện tử bằng định mức của Tạp chí in.

10. Trong trường hợp có những nhiệm vụ chưa được quy đổi, Giám đốc Học viện sẽ quyết định định mức quy đổi nhưng không cao hơn định mức của nhiệm vụ tương đương đã được quy định./.